

| <b>Infinitive<br/>(nguyên mẫu)</b> | <b>Past Simple<br/>(quá khứ đơn)</b> | <b>Past Participle<br/>(quá khứ phân từ)</b> | <b>Nghĩa tiếng Việt</b> |
|------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------|
| awake                              |                                      |                                              | tỉnh thức               |
| be                                 |                                      |                                              | là                      |
| become                             |                                      |                                              | trở thành               |
| begin                              |                                      |                                              | bắt đầu                 |
| blow                               |                                      |                                              | thổi                    |
| break                              |                                      |                                              | vỡ, gãy                 |
| bring                              |                                      |                                              | mang                    |
| build                              |                                      |                                              | xây dựng                |
| burn                               |                                      |                                              | cháy                    |
| buy                                |                                      |                                              | mua                     |
| can                                |                                      |                                              | có thể                  |
| catch                              |                                      |                                              | nắm lấy                 |
| choose                             |                                      |                                              | chọn                    |
| come                               |                                      |                                              | đến                     |
| cut                                |                                      |                                              | cắt                     |
| dig                                |                                      |                                              | đào (hố)                |
| do                                 |                                      |                                              | làm                     |
| draw                               |                                      |                                              | vẽ                      |
| drive                              |                                      |                                              | lái xe                  |
| drink                              |                                      |                                              | uống                    |
| eat                                |                                      |                                              | ăn                      |
| fall                               |                                      |                                              | ngã, rơi                |
| feel                               |                                      |                                              | cảm thấy                |
| fight                              |                                      |                                              | chiến đấu               |
| find                               |                                      |                                              | tìm kiếm                |
| fly                                |                                      |                                              | bay                     |
| forget                             |                                      |                                              | quên                    |